

TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ ĐỐI VỚI VẬT NUÔI BỊ THIẾT HẠI DO BÃO GÂY RA THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 09/2025/NĐ-CP

TT	Địa phương (tỉnh, huyện, xã)	Tổng giá trị thiệt hại	Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích)															Kinh phí hỗ trợ		
			Gia cầm		Chim cút		Lợn		Lợn nái và lợn đực đàn g khai	Bê cái hướn g sữa đến 6 tháng tuổi	Bò sữa trên 6 thán g tuổi	Trâu, bò thịt, ngựa		Hươ u sao, dê, cừu, đà điểu	Thỏ		Ong mật	Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó	
			(gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu)									Đến 6 thán g tuổi	Trên 6 thán g tuổi		Đến 28 ngà y tuổi	Trê n 28 ngà y tuổi			NSTW	NSDP đảm bảo
			Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi																
	Họ tên	tr.đồng	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	tr.đồng		tr.đồng
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	19		20
	Định mức		0,022	0,038		0,008	0,55	1	3											
TỔNG CỘNG:			450	1.275	-	15.500	9	2	1	-								187,350	149,880	37,470
I	TRƯỜNG XUÂN	-	150															3,300	2,640	0,660
	Lê Văn Nhật		150															3,300	2,640	0,660
II	PHÚC THANH			200														7,600	6,080	1,520
1	Đồng Xuân Bưởi			200														7,600	6,080	1,520
III	TÂN PHONG	-	-	360	-	-		-										13,680	10,944	2,736
1	Võ Đình Mạnh			100														3,800	3,040	0,760
2	Phan Văn Thái			100														3,800	3,040	0,760
3	Đào Văn Sơn			80														3,040	2,432	0,608
4	Lê Văn Lành			80														3,040	2,432	0,608
IV	VĨNH TIẾN			125														4,750	3,800	0,950
	Phan Xuân Việt			125														4,750	3,800	0,950
V	TÂN HƯƠNG	-	-	590	-	4.000		-										54,420	43,536	10,884
1	Trương Quốc Mậu			120														4,560	3,648	0,912
2	TRần Thị Tuyết			150														5,700	4,560	1,140
3	Nguyễn Duy Đề			120														4,560	3,648	0,912
4	Trần Viết Tàn			50														1,900	1,520	0,380
5	Lưu Văn Hòa					1500												12,000	9,600	2,400
6	Trần Đăng Đồng					1200												9,600	7,680	1,920
7	Hồ Văn Hương					1300												10,400	8,320	2,080
8	Trần Thị Kiều Linh			150														5,700	4,560	1,140
VI	VĂN SƠN	-	-	-	-	-		2	1	-								5,000	4,000	1,000
1	Nguyễn Trọng Tân								1									3,000	2,400	0,600
2	Nguyễn Tuấn Tú							1										1,000	0,800	0,200
3	Phạm Công Thi							1										1,000	0,800	0,200

187,350

TT	Địa phương (tỉnh, huyện, xã)	Tổng giá trị thiệt hại	Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích)														Kinh phí hỗ trợ				
			Gia cầm		Chim cút		Lợn		Lợn nái và lợn đực đản g khai	Bê cái hướn g sữa đến 6 tháng tuổi	Bò sữa trên 6 thán g tuổi	Trâu, bò thịt, ngựa		Hươ u sao, dê, cừu, đà điểu	Thỏ		Ong mật	Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó		
			(gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu)									Đến 6 thán g tuổi	Trên 6 thán g tuổi		Đến 28 ngà y tuổi	Trê n 28 ngà y tuổi			NSTW	NSDP đảm bảo	
			Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi			Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi													
	Họ tên	tr.đồng	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	đàn	tr.đồng		tr.đồng
VII	Thôn Đồng Giang	-	-			11.500	9											92,000	73,600	18,400	
1	Trương Đăng Chương					2.000												16,000	12,800	3,200	
2	Trương Quốc Tú					1.500												12,000	9,600	2,400	
3	Nguyễn Hoài Thanh					1.000												8,000	6,400	1,600	
4	Vũ Thị Vân					2.000												16,000	12,800	3,200	
5	Trương Đăng Dụng					5.000												40,000	32,000	8,000	
6	Nguyễn Văn Sơn						9											4,950	3,960	0,990	
VIII	ĐAN KHÊ	-	300	-	-	-	-											6,600	5,280	1,320	
1	Hoàng Xuân Hiếu		300															6,600	5,280	1,320	